

TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ THUỘC THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

DVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
I	BIÊN HÒA													
3	Đường Bùi Trọng Nghĩa													
	Đoạn từ đường Đồng Khởi đến ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài	4.200	2.280	1.740	1.260	8.000	5.000	2.900	2.100	4.800	3.000	1.740	1.260	Tăng do giá thị trường biến động tăng cao hơn 20%, phù hợp với mức giá đường Đồng Khởi (đoạn từ cầu Đồng Khởi đến đường Nguyễn Văn Tiên)
	Đoạn từ ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Trường tiểu học Trảng Dài	3.000	1.800	1.260	900	6.000	4.000	2.500	1.800	3.600	2.400	1.500	1.080	Tăng do giá thị trường biến động tăng cao hơn 20%, phù hợp với mức giá đoạn trước
7	Đường Dương Bạch Mai	3.600	2.280	1.740	900	7.500	3.800	2.900	1.500	4.500	2.280	1.740	900	là tuyến đường nối thông giữa đường Phạm Văn Thuận và đường Đồng Khởi, tăng do tốc độ đô thị hóa nhanh giá thị trường biến động tăng cao hơn 20%
8	Đường Dương Tử Giang	4.800	1.920	1.500	1.080	10.000	4.100	3.200	2.300	6.000	2.460	1.920	1.380	đề xuất tăng bằng đường Phan Trung do 2 đường này tương đương nhau
9	Đường Đặng Đức Thuật													
	Đoạn từ đường Đồng Khởi đến hết trường Trần Biên	4.200	2.280	1.740	1.260	8.000	3.800	2.900	2.100	4.800	2.280	1.740	1.260	Đầu nối với Đoạn từ xa lộ Hà Nội đến đường Lê Quý Đôn của đường Đồng Khởi, đề xuất tăng để phù hợp với tốc độ phát triển tại khu vực này và giá thị trường biến động tăng trên 20%
	Đoạn từ trường Trần Biên đến đường Đoàn Văn Cự	2.100	1.140	840	480	4.000	1.900	1.400	1.200	2.400	1.140	840	720	Hiệu chỉnh giá vị trí 1,4 để phù hợp với đường Đoàn Văn Cự và giá đất thị trường và phù hợp với khung giá đất áp dụng đối với đô thị loại 1
13	Đường Đồng Khởi													

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	Đoạn từ xa lộ Hà Nội đến đường Lê Quý Đôn	10.800	4.200	2.820	2.040	20.000	8.000	4.700	3.400	12.000	4.800	2.820	2.040	Tăng do giá đất thị trường biến động cao hơn 20%, đây là khu vực có tốc độ phát triển nhanh, là cửa ngõ chính vào thành phố Biên Hòa, ảnh hưởng lớn từ bệnh viện Đa khoa Đồng Nai
	Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến cầu Đồng Khởi	9.000	3.600	2.820	2.040	17.000	7.000	4.700	3.400	10.200	4.200	2.820	2.040	Tăng do giá đất thị trường biến động cao hơn 20%, đây là khu vực có tốc độ phát triển nhanh, là cửa ngõ chính vào thành phố Biên Hòa.
	Đoạn từ cầu Đồng Khởi đến đường Nguyễn Văn Tiên	4.800	1.920	1.500	1.080	10.000	3.200	2.500	1.800	6.000	1.920	1.500	1.080	Tăng do giá đất thị trường biến động cao hơn 20%, đây là khu vực có tốc độ phát triển nhanh, là cửa ngõ chính vào thành phố Biên Hòa.
22	Đường Huỳnh Văn Lũy	6.000	2.940	2.280	1.620	10.000	4.900	3.800	2.700	6.000	2.940	2.280	1.620	Nối dài đường Huỳnh Văn Lũy từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Nguyễn Ái Quốc, không chia đoạn do cùng một mức giá (đã bổ sung phần đường Huỳnh Văn Lũy mới làm bên phường Quang Vinh vào bản đồ giá)
23	Đường Huỳnh Văn Nghệ													
	Đoạn từ Võ Trường Toản đến đường ngã ba Gac Nai	2.400	960	780	540	4.000	1.600	1.300	1.000	2.400	960	780	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với đường Võ Trường Toản và phù hợp với khung giá đô thị loại 1
	Đoạn từ ngã ba Gac Nai đến giáp huyện Vĩnh Cửu	2.100	960	780	540	3.500	1.600	1.300	1.000	2.100	960	780	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với đường Võ Trường Toản và phù hợp với khung giá đô thị loại 1
25	Đường Lê Quý Đôn	4.800	2.940	2.040	1.200	9.000	4.900	3.400	2.000	5.400	2.940	2.040	1.200	Hiệu chỉnh tăng do khu vực có tốc độ phát triển nhanh, đầu nối với đường Đồng khởi, ngã tư Đại Học Đồng Nai
32	Đường Nguyễn Ái Quốc													

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	Đoạn từ giáp tỉnh Bình Dương đến đường Nguyễn Tri Phương (phường Bửu Hòa)	3.000	960	720	480	6.000	2.000	1.500	1.000	3.600	1.200	900	600	Tăng tốc độ phát triển nhanh giá đất thị trường biến động tăng, là tuyến đường chính nối Biên Hòa với Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh
33	Đường Nguyễn Bảo Đức	4.200	2.640	1.740	1.020	8.000	4.400	2.900	1.700	4.800	2.640	1.740	1.020	Hiệu chỉnh tăng theo đường Đồng Khởi do là đường đầu nối với Đoạn từ xa lộ Hà Nội đến đường Lê Quý Đôn của đường Đồng Khởi
35	Đường Nguyễn Thành Đồng	4.800	2.580	2.040	1.440	9.000	4.300	3.400	2.400	5.400	2.580	2.040	1.440	Hiệu chỉnh do là tuyến đường nối thông giữa khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa với xã Hiệp Hòa, nối từ đường Hà Huy Giáp đến đường Đặng Văn Tron, đề xuất tăng do điều chỉnh theo giá đất thị trường phổ biến tăng cao hơn 20%
36	Đường Nguyễn Thành Phương	4.800	2.580	2.040	1.440	9.000	4.300	3.400	2.400	5.400	2.580	2.040	1.440	Hiệu chỉnh do là tuyến đường nối thông giữa khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa với xã Hiệp Hòa, nối từ đường Hà Huy Giáp đến đường Đặng Văn Tron, đề xuất tăng do điều chỉnh theo giá đất thị trường phổ biến tăng cao hơn 20%
39	Đường Nguyễn Thị Tồn	2.400	1.320	1.020	720	5.000	2.200	1.700	1.200	3.000	1.320	1.020	720	Là tuyến đường nối thông giữa đường Nguyễn Ái Quốc và đường Bùi Hữu Nghĩa, tăng do tốc độ đô thị hóa nhanh
42	Đường Nguyễn Văn A	4.200	2.640	1.800	1.020	8.000	4.400	3.000	1.700	4.800	2.640	1.800	1.020	Hiệu chỉnh theo đường Đồng Khởi do đầu nối với đường Đồng Khởi đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến cầu Đồng Khởi, gần siêu thị Big C tốc độ phát triển nhanh

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
47	Đường Nguyễn Văn Tiên	2.100	900	720	480	3.500	1.700	1.400	1.000	2.100	1.020	840	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với Đường Đồng Khởi đoạn từ đường Nguyễn Văn Tiên đến giáp đường vào Công ty Trần Biên và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
48	Đường Nguyễn Văn Tô													
	- Đoạn từ UBND phường Long Bình Tân đến giáp xã An Hòa	2.400	1.500	780	480	4.000	2.500	1.300	1.000	2.400	1.500	780	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết trụ sở UBND phường Long Bình Tân và Quốc lộ 51 và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
53	Đường Phạm Văn Thuận	9.600	3.900	3.000	2.160	18.000	6.500	5.000	3.600	10.800	3.900	3.000	2.160	Hiệu chỉnh tăng do tốc độ phát triển nhanh. Giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%; Mới hình thành Trung Tâm thương mại mới VinCom hình thành chuỗi các siêu thị trên đường này
59	Quốc lộ 51													
	Đoạn từ cầu Đen đến đầu đường Võ Nguyên Giáp	4.200	1.740	1.320	720	7.500	3.400	2.400	1.300	4.500	2.040	1.440	780	Hiệu chỉnh tăng do tốc độ phát triển nhanh. Giá đất thị trường biến động
61	Đường Trần Quốc Toàn													
	Đoạn từ cầu Ông Gia đến đường 11 KCN	3.000	1.500	1.080	540	5.000	2.500	1.800	1.200	3.000	1.500	1.080	720	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với đường Lê Văn Duyệt và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
65	Đường Trương Định (đường 4)	4.800	1.920	1.500	1.080	9.000	3.200	2.500	1.800	5.400	1.920	1.500	1.080	
75	Đường 9 (đường trong khu công nghiệp)	2.700	1.440	900	540	4.500	2.400	1.800	1.200	2.700	1.440	1.080	720	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với đường Trần Quốc Toàn và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
80	Đường Hoàng Văn Bôn (đường vào Nhà máy nước Thiện Tân cũ)													

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới phường Tân Hòa (ranh giới giữa phường Tân Hòa với xã Thiện Tân)	1.500	1.020	600	400	2.500	1.700	1.200	1.000	1.500	1.020	720	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với đường Nguyễn Trường Tộ và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Thành phố Biên Hòa	900	600	450	400	1.500	1.300	1.200	1.000	900	780	720	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với đoạn trước và đường Nguyễn Trường Tộ và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
83	Đường Nguyễn Khuyến (Đường từ đường 768B đến ngã tư Phú Thọ)													
	Đoạn từ đường 768B qua trường tiểu học Trảng Dài đến đường Trần Văn Xá (Ngã tư trường Nguyễn Khuyến)	2.100	1.500	1.200	600	4.500	3.000	2.000	1.000	2.700	1.800	1.200	600	Điều chỉnh tăng do đường mới được nâng cấp đoạn từ trường Tiểu học Trảng Dài đến đường Trần Văn Xá
	Đoạn từ đường Trần Văn Xá đến Ngã tư Phú Thọ	1.800	1.200	900	600	4.000	3.000	2.000	1.000	2.400	1.800	1.200	600	Điều chỉnh tăng do đường đã được hoàn thiện các đoạn chấp vĩa, tốc độ đô thị hóa nhanh, giá đất thị trường biến động tăng cao hơn 20%
84	Đường Nguyễn Phúc Chu (Đường từ cầu Sân Máu đến đường Trần Văn Xá)													
	- Từ ngã tư Phú Thọ; chợ nhỏ (giáp đường Trần Văn Xá) - bán kính về 2 hướng: 200m	2.400	1.800	1.200	600	5.000	3.000	2.000	1.000	3.000	1.800	1.200	600	Điều chỉnh tăng do cầu Sân Máu mới mở ảnh hưởng đến giá đất thị trường
	Đoạn còn lại	1.800	1.200	900	600	4.000	3.000	2.000	1.000	2.400	1.800	1.200	600	Điều chỉnh tăng do cầu Sân Máu mới mở ảnh hưởng đến giá đất thị trường
100	Đường Lê Ngô Cát													
	- Đoạn từ Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến hết ranh giới phường Tân Hòa	1.500	1.200	660	420	2.500	2.000	1.300	1.000	1.500	1.200	780	600	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với đoạn trước và phù hợp với quốc lộ 1A và phù hợp với khung giá đất áp dụng cho đô thị loại 1
104	Đường Nguyễn Bình Khiêm	2.460	1.920	1.380	900	4.500	3.200	2.300	1.500	2.700	1.920	1.380	900	Hiệu chỉnh vị trí 1 để phù hợp với đường đầu nối Huỳnh Văn Nghệ